

Bản án số: 91/2022/HS-PT
Ngày: 04 - 5 - 2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Quang

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Thuấn

Ông Võ Văn Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Quý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Tuyết Nhung** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 và ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 76/2021/TLPT-HS ngày 05 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo Lê Thành Đ, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2021/HS-ST ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo không có kháng cáo:

Lê Thành Đ, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Số 63A, ấp T, xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Thợ hàn; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thành Đ1 và bà Trần Thị N; vợ tên Nguyễn Thị Bích T, con có 01 người sinh năm 2015; anh chị em ruột có 03 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/10/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại không kháng cáo:

1. Ông Trần Văn T2, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông Trương Văn D, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang

- Bị đơn dân sự có kháng cáo: Ông Triệu Quốc T3 (Thái Văn Sủ), sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Tr, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Triệu Quốc T3:* Luật sư Phạm Anh V – Văn phòng Luật sư Phạm Anh V, Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:* Ông Đinh Văn L (Đèo), sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tr, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 02/2016 ông Trần Văn T2 đến cơ sở gia công cửa sắt, nhôm, inox tên gọi Trường Thành tại ấp G, xã M, huyện H do ông Triệu Quốc T3 làm chủ. Ông T2 hợp đồng với ông T3 làm 04 kệ sắt, 02 khung sắt để hàng hóa và 01 cửa sắt tại nhà ông T2 địa chỉ số 575, tổ 10 ấp A, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang, ông T3 đồng ý giao kết hợp đồng. Ông T3 gọi Đinh Văn L là người làm công tại Cơ sở của ông T3 trực tiếp thi công, khi thi công ông L thuê thêm Lê Thành Đ và Lương Thanh T4 đến cùng làm tại cơ sở sắt của ông T3 thực hiện. Ông Triệu Quốc T3 hướng dẫn cho L, Đ, T4 đến lắp đặt theo hợp đồng tại nhà ông T2. Lúc này ông T2 yêu cầu ông T3 làm thêm 02 khung sắt để lắp đặt hai bên hiên nhà phía trước trên gác, ông T3 đồng ý và kêu L cùng Đ, T4 đến làm.

Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 04/3/2016, L kêu Đ và T4 mang toàn bộ dụng cụ gồm: Máy hàn, que hàn, máy cắt, khoan, khung sắt và một số dụng cụ đến nhà ông T2 trước, ông T3 đến sau và cùng ông T2 hướng dẫn Đ và Tùng mang máy, dụng cụ lên gác và tháo gỡ vách gỗ, tol cũ hai bên trên gác gỗ của nhà ông T2 để chờ L mang sắt đến làm. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày L lấy 03 cây sắt vuông 03 phân cắt làm 06 đoạn tại tiệm sắt Trường Thành đến nhà ông T2 để thi công, L trực tiếp đứng trên mái nhà bà Đưa cặp nhà ông T2 để đo kích thước báo cho T4 cắt các đoạn sắt theo số đo, Đ phụ giúp L hàn, tại vị trí hàn có một bên là cột gỗ, dọc thân cột gỗ có khoảng khe hở rộng 3cm (do phải cạy ván vách cặp cột gỗ để khoan bắt vít sắt vào cột gỗ để hàn khung sắt) khoảng hở này thông vào phía trong gác nơi ông T2 để nhiều thùng xốp sát cột gỗ và các vật dụng dễ cháy như lưới, nilon, bao, đồ nhựa, thùng xốp...là hàng hóa ông T2 tập kết lên để sửa nhà phía dưới.

Khi làm, L khoan vít sắt vào cột gỗ và hàn một đầu T3 sắt ngang vào vít sắt, đầu còn lại đưa Đ hàn vào T3 sắt dọc bên ngoài để tạo thành khung sắt, lần lượt L và Đ hàn xong 4 cây sắt ngang từ dưới lên thì ông T2 xuống dưới nhà mang lên 03 lon nước ngọt đưa cho Đ và T4 uống trước, L hàn xong cây sắt ngang thứ 6 từ dưới lên thì hết sắt, L leo vào trong nhà được ông T2 đưa cho một lon nước ngọt uống và đưa cho Đ và L mỗi người một điếu thuốc để hút. L đứng uống nửa lon nước,

hút thuốc nói chuyện với ông T2 và dặn Đ ở lại nối hai đoạn sắt ngắn để hàn lên T3 ngang thứ 7, sau đó L xuống lấy xe mô tô điều khiển về cơ sở của ông T3 lấy thêm sắt.

Khi L về thì Đ leo ra ngoài đo và kêu Tùng hàn nối hai đoạn sắt ngắn lại, mài mịn và đo cắt sắt đưa cho Đ, Đ bắt vít vào cột gỗ hàn xong T3 thứ 7 thì chấm lại các mối hàn phía dưới mà trước đó L đã hàn, lúc này T4 được ông T2 cho một điều thuốc lá hút, T4 đang đứng dựa lưng vào cửa sổ làm bằng kính gần cột gỗ nơi hàn để môi thuốc thì thấy nóng ở lưng, T4 quay mặt vào nhìn qua tấm kính cửa sổ, thấy lửa cháy cao khoảng hơn 1 mét tại đồng thùng xốp phía trong gác sát cột gỗ nơi Đ vừa hàn, T4 la lên thì ông T2 đứng gần cửa ra vào cách T4 khoảng 01 mét chạy vào trước, Đ leo vào cùng ông T2 và T4 dập tắt lửa nhưng do thiếu nước chữa cháy, lửa cháy lan nhanh sang đồ nhựa, thùng xốp tạo thành ngọn lửa lớn cháy hoàn toàn nhà ông T2 cùng tất cả tài sản bên trong nhà, ngọn lửa cháy lan sang nhà số 377 tổ 10 cùng ấp A và hàng hóa của ông Trương Văn D cặp vách nhà ông T2, làm cho nhà và tài sản bên trong nhà ông D bị cháy hoàn toàn, khoảng 30 phút sau lực lượng chữa cháy Công an tỉnh Kiên Giang đến dập tắt lửa.

Ngày 22/9/2016, Cơ quan Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H tiến hành dựng lại hiện trường và thực nghiệm điều tra về khả năng gây cháy của xỉ hàn điện để xác định thời gian gây cháy.

- Phương pháp: Cho L hàn sắt để xỉ (vảy) hàn bắn trực tiếp và thùng xốp, nilon, bao và lưới cước (vật dụng có trên gác nhà ông T2 khi xảy ra cháy).

- Kết quả: Thời gian cháy của thùng xốp là 27 giây; thời gian cháy của lưới cước là 1 phút 26 giây; thời gian gây cháy của nilon là 59 giây; đối với bao đựng lúa thì không cháy.

- Phương pháp: Dựng góc nhà bằng gỗ tương tự góc nhà của ông T2, cho L, Đ, T4 thực nghiệm hàn đúng như thời gian thi công hàn khung sắt vách nhà ông T2 và để vật dụng 07 thùng xốp chất chồng lên nhau sát cột gỗ, phía dưới để nilông, cước, bao phía trong sát cột gỗ nơi thi công (tương tự thời điểm phát cháy).

- Kết quả: Khi L trực tiếp hàn 6 T3 sắt từ dưới lên với khoảng thời gian 07 phút 06 giây thì không phát cháy; Đ thực hiện hàn T3 sắt thứ 7 trên cùng trong khoảng thời gian 22 giây thì xỉ hàn bắn vào thùng xốp trên cùng phát cháy.

- * Kiểm tra thời gian thực tế thời gian L điều khiển xe từ nhà ông T2 về tiệm Trường Thành và quay lại nhà ông T2 với thời gian 08 phút 10 giây; lấy sắt cắt, bó lại thời gian 03 phút 02 giây, thời gian ở lại chỉ cách hàn cho thợ tại tiệm khoảng 5 phút.

- * Kiểm tra thời gian thực tế T4 hàn nối hai đoạn sắt, mài mịn, cắt theo kích thước trong thời gian 02 phút 51 giây.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H ra Quyết định trưng cầu Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự định giá căn nhà của ông Trần Văn T2 và ông Trương Văn D.

Tại bản kết luận định giá số: 08/KL – ĐGTS ngày 10/4/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: thiệt hại tài sản căn nhà của ông Trần Văn T2 là 609.746.356 đồng.

Tại bản kết luận định giá số 36/KL - ĐGTS ngày 19/11/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận lại thiệt hại tài sản căn nhà của ông Trương Văn D là 467.909.705 đồng.

Tại kết luận giám định số 3420 ngày 25/10/2016 của Phân viện khoa học hình sự tại Tp. Hồ Chí Minh kết luận: máy hàn điện, máy cắt điện, cầu dao điện, dây dẫn điện, mỏ kẹp hàn điện thu tại hiện trường gửi giám định không phát hiện thấy dấu vết sự cố chạm chập điện trước khi cháy.

*** *Tại Bản án sơ thẩm số: 18/2018/HSST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:***

Áp dụng khoản 1 Điều 180, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thành Đ 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận sự tự nguyện của Đinh Văn L bồi thường cho ông T2 12.600.000đ và bồi thường cho ông D 12.600.000 đồng.

- Buộc bị cáo bồi thường cho ông Trần Văn T2 161.261.600đ và cho ông D là 249.496.000đ.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại Trần Văn T2 và Trương Văn D kháng cáo đề nghị xem xét lại phân trách nhiệm dân sự.

*** *Tại Bản án phúc thẩm số 162/2018/HSPT, ngày 27/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*** Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm điều tra xét xử lại theo thủ tục chung.

*** *Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2021/HS-ST, ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:***

Áp dụng: Khoản 2 Điều 180, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thành Đ 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ về tội “Vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản”.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 600 Bộ luật dân sự.

Buộc ông Triệu Quốc T3 phải bồi thường cho ông Trần Văn T2 số tiền là 609.746.000 đồng; phải bồi thường cho ông Trương Văn D số tiền là 467.909.705 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/4/2021, bị đơn dân sự ông Triệu Quốc T3 có đơn kháng cáo với nội dung: Lê Thành Đ không phải là người làm công cho ông T3, nên án sơ thẩm đánh giá việc cháy nhà là do người làm công của ông gây ra là không đúng; bị hại Trần Văn T2 cung cấp chứng từ hóa đơn đi thu thập lại là chưa khách quan; ông T2 cho rằng khi cháy nhà có một lượng vàng lớn nhưng khi công an đến khám nghiệm hiện trường thì không có. Nay ông không đồng ý bồi thường cho ông T2 và ông D như án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:* Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Triệu Quốc T3, sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông T3 và ông Trần Văn T2 về việc ông T3 đồng ý bồi thường cho ông T2 các khoản gồm: Tiền căn nhà là 134.491.000đ; Tài sản trong nhà và hàng hóa là 267.598.624đ; vàng: 32.130.000đ; tổng cộng là: 434.220.000đ; và buộc ông T3 bồi thường cho ông D số tiền 467.909.705đ. Khấu trừ số tiền mà ông T3 đã bồi thường trước đó cho ông T2 và ông D.

** Luật sư Phạm Anh V bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T3 có ý kiến:* Tại phiên tòa, ông Triệu Quốc T3 và ông Trần Văn T2 đã tự thỏa thuận thống nhất ông T2 yêu cầu ông T3 bồi thường thiệt hại căn nhà là 134.491.000đ; tiền 09 chỉ vàng là 32.130.000đ và thiệt hại hàng hóa bị cháy là 267.598.624đ; tổng cộng là 434.220.000đ. Do đó, đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông T3 và ông T2.

** Tại phiên tòa ông Triệu Quốc T3 và ông Trần Văn T2 đã tự thỏa thuận được như sau:* Ông T2 yêu cầu ông T3 phải bồi thường cho ông 09 vàng 18k và tiền thiệt hại căn nhà là 134.491.000đ, thiệt hại hàng hóa như kết luận định giá là 267.598.624đ; tổng cộng là 434.220.000đ. Ông T3 đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông T2. Hai bên thống nhất lấy giá vàng 18k ngày 29/4/2022 là 3.570.000đ/chỉ vàng 18k.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị đơn dân sự ông Triệu Quốc T3 về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự tại các Điều 331, 332 và 333. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về phân trách nhiệm hình sự, do không bị kháng cáo, không bị kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét kháng cáo của ông Triệu Quốc T3:

Về trách nhiệm bồi thường: Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, ông T3 và ông T2 đều thừa nhận, ông T2 có đến cơ sở gia công do ông T3 làm chủ cơ sở để thuê làm kệ sắt và khung sắt để hàng hoá. Ông T3 và ông T2 trực tiếp thoả thuận với nhau và đồng ý giao kết hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T3 thuê ai làm và làm như thế nào là do ông T3 quyết định, ông T2 không biết và cũng không trực tiếp thoả thuận với ông L và bị cáo Đ. Mặt khác, tại phiên tòa, lời khai của ông T3, của bị cáo và ông L đều xác định: Khi ông T2 yêu cầu làm hai cánh én phát sinh thì lúc đó ông T2 có kêu ông T3 lại và ông T3 đồng ý làm, sau đó ông T3 chỉ cho L, Đ làm. Điều này cho thấy, mặc dù ông T3 cho rằng Đ không phải là người làm công cho ông nên ông không chịu trách nhiệm bồi thường, nhưng khi L kêu Đ đến làm thì ông T3 biết, không có ý kiến gì và vẫn đồng ý để Đ làm; mặt khác, ông T2 chỉ giao kết hợp đồng với ông T3, việc ông T3 kêu ai làm thì ông T2 không biết, nên ông T3 phải chịu trách nhiệm do sự việc xảy ra. Ông T3 có quyền yêu cầu bị cáo Đ và L phải trả lại số tiền mà ông T3 đã bồi thường. Việc cấp sơ thẩm tuyên buộc ông T3 có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông D và ông T2 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, ông T3 đề nghị HĐXX xem xét lại phần 50 chỉ vàng 18k, vì ông cho rằng không có căn cứ để xác định ông T2 bị cháy 50 chỉ vàng. Tại phiên tòa, ông T2 chỉ yêu cầu ông T3 bồi thường 09 chỉ vàng 18k, ông T3 cũng đồng ý bồi thường số vàng này. Đồng thời, ông T3 và ông T2 cũng thống nhất lấy giá vàng 18k tại thời điểm xét xử phúc thẩm ngày 29/4/2022 là 3.570.000đ/chỉ để xác định giá trị vàng mà ông T3 phải bồi thường là 09 chỉ vàng 18k bằng 32.130.000đ. Ngoài ra, tại phiên tòa ông T2 và ông T3 thoả thuận thống nhất giá trị thiệt hại căn nhà là 134.491.000đ. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái đạo đức xã hội, không trái quy định pháp luật nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này.

Do đó, ông T3 phải bồi thường cho ông T2 gồm các khoản: giá trị căn nhà là 134.491.000đ; tài sản trong nhà và hàng hóa là 267.598.624đ (làm tròn

267.599.000đ); Vàng: 32.130.000đ. Tổng cộng là: 434.220.000đ; khấu trừ số tiền 82.000.000đ mà ông T3 đã khắc phục cho ông T2 trước đó, nay ông T3 phải tiếp tục bồi thường số tiền 352.220.000đ.

Đồng thời, ông T3 bồi thường cho ông D tổng số tiền là 467.909.705đ như án sơ thẩm đã tuyên; khấu trừ số tiền 100.000.000đ mà ông T3 đã bồi thường trước đó, nay ông T3 phải tiếp tục bồi thường số tiền 367.909.705đ (làm tròn bằng 367.910.000đ).

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên: Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông Triệu Quốc T3, sửa án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa các đương sự là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

- Do kháng cáo của ông T3 được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Án phí giá ngạch: Cấp sơ thẩm đã xem xét miễn án phí giá ngạch cho ông Triệu Quốc T3 nên HĐXX không xem xét.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Triệu Quốc T3.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2021/HS-ST ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang về phần trách nhiệm dân sự.

2. Về phần trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 585, 589 Bộ luật dân sự;

Buộc ông Triệu Quốc T3 bồi thường cho ông Trần Văn T2 số tiền là 434.220.000đ; khấu trừ số tiền 82.000.000đ mà ông T3 đã khắc phục cho ông T2 trước đó, nay ông T3 phải tiếp tục bồi thường số tiền 352.220.000đ (Ba trăm năm mươi hai triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Buộc ông Triệu Quốc T3 bồi thường cho ông Phạm Văn D tổng số tiền là 467.910.000; khấu trừ số tiền 100.000.000đ mà ông T3 đã bồi thường trước đó, nay ông T3 phải tiếp tục bồi thường số tiền 367.910.000đ (Ba trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm mười nghìn đồng).

Ông Triệu Quốc T3 có quyền khởi kiện yêu cầu ông Đinh Văn L và bị cáo Lê Thành Đ hoàn trả cho ông khoản tiền nhất định.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Ông Triệu Quốc T3 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo; bị hại, BÐDS(1);
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKS huyện (1)
- Tòa án huyện (1)
- Thi hành án hình sự huyện (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thành Quang